

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẤT ĐỘNG SẢN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

VNPT LAND., jsc

THAY ĐỔI LẦN 2

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 28 tháng 1 năm 2014



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Hữu Dũng

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (VNPT LAND., JSC)

Điều lệ được sửa đổi và thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty tại phiên họp ngày 27 tháng 06 năm 2008

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.

Hôm nay, ngày 27 tháng 06 năm 2008 tại Hà Nội, chúng tôi gồm những cổ đông tham dự Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu chính Viễn thông Việt Nam đã nhất trí thông qua nội dung của bản điều lệ và cam kết thực hiện những quy định trong bản điều lệ này.

Bản điều lệ này chi phối toàn bộ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu chính Viễn thông Việt Nam

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa và cách giải thích

Trong Điều lệ này các từ ngữ dưới đây được định nghĩa và giải thích như sau:

1.1. “ Công ty” hoặc “Công ty cổ phần” là tên viết tắt của Công ty cổ phần Bất động sản Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT Land)

1.2. “Cổ đông” là thể nhân hoặc pháp nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty.

1.3. “Đại diện cổ đông” là đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông, trong đó:

1.3.1. Người đại diện theo pháp luật có toàn quyền nhân danh cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông trong quan hệ với công ty và với các cổ đông khác.

1.3.2. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo nội dung ủy quyền. Việc ủy quyền phải lập thành văn bản có chữ ký của người ủy quyền và người nhận ủy quyền. Người ủy quyền có thể thay thế hoặc chấm dứt việc ủy quyền bằng một văn bản thông báo gửi đến cho chủ tọa trước khi khai mạc các phiên họp.

1.4. “Cổ phần” là các phần vốn có giá trị ngang nhau tạo thành vốn điều lệ của công ty

1.5. “Cổ phiếu” là chứng chỉ do công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp của người sở hữu cổ phiếu đối với tài sản hoặc vốn của công ty.

1.6. “Trái phiếu” là chứng chỉ nhận nợ của công ty đối với người sở hữu trái phiếu do công ty phát hành dưới các hình thức phù hợp với quy định của pháp luật



1.7. "Cổ tức" là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của công ty sau khi đã trừ các khoản thuế, các nghĩa vụ tài chính khác và các khoản chi phí hợp lệ phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

1.8. "Vốn điều lệ" là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi trong Điều lệ công ty.

1.9. "Đại hội đồng" có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của công ty bao gồm các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền cao nhất của công ty.

1.10. "Hội đồng quản trị" là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

1.11. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc, Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

1.12. "Người có liên quan" là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.

1.13. "Thời gian hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp

1.14. "Địa bàn kinh doanh" là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

1.15. "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 11 năm 1996 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 16 tháng 12 năm 2002.

1.16. Trong điều lệ này, các tham chiếu nào tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

1.17. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

1.18. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ Luật dân sự, Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác thì có nghĩa tương tự như trong các văn bản pháp luật đó.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Điều 2. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân

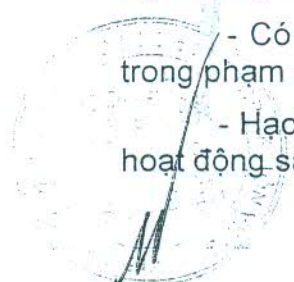
2.1. Công ty cổ phần Bất động sản Bưu chính Viễn thông Việt Nam thuộc sở hữu của các cổ đông, được thành lập trên cơ sở Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.2. Công ty cổ phần Bất động sản Bưu chính Viễn thông Việt Nam

- Có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước, Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật.

- Có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ.

- Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



- Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quý theo quy định của Pháp Luật và Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Tên công ty, trụ sở và phạm vi hoạt động

3.1. Tên công ty

- Tên Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

- Tên giao dịch: **VIET NAM POST AND TELECOMMUNICATION
LAND JOINT STOCK COMPANY**

- Tên viết tắt: **VNPT LAND., JSC**

- Biểu tượng của công ty:



3.2. Trụ sở đăng ký của công ty là:

Tầng 2, Khối A, Tòa nhà LICOGI 13, Đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

3.3. Phạm vi hoạt động:

Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu chính Viễn thông Việt Nam hoạt động trên phạm vi toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Công ty có thể mở chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 4. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh:

4.1. Mục tiêu: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước

4.2. Ngành nghề kinh doanh

- + Kinh doanh bất động sản;
- + Dịch vụ tư vấn bất động sản;
- + Dịch vụ đấu giá bất động sản;
- + Dịch vụ quảng cáo bất động sản;
- + Dịch vụ quản lý bất động sản;
- + Dịch vụ môi giới bất động sản;
- + Dịch vụ định giá bất động sản;
- + Xây dựng nhà, khách sạn, văn phòng, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; quản lý, khai thác và kinh doanh các dịch vụ trong khu chung cư, khu đô thị, khu dân cư tập trung, bãi đỗ xe, khách sạn du lịch;
- + Kinh doanh; xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ cho các dự án đầu tư, công trình xây dựng, trang thiết bị nội, ngoại thất, cấp thoát nước, môi trường và hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng cơ sở;
- + Thi công xây lắp, trang trí nội thất và cung cấp lắp đặt thiết bị hệ thống kỹ thuật cho công trình dân dụng và công nghiệp, khu công nghiệp, đô thị, công trình giao thông;
- + Kinh doanh trang thiết bị nội thất;



